TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST Ngày: 10-12-2021 *V/v: Ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Thuận.

2. Ông Lê Sỹ Nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 10/12/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2021/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 về việc "Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn Q, sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn PQ, xã HS, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn PT, xã TC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh Q, vắng mặt chị T (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07/5/2021 và bản tự khai ngày 02/8/2021, nguyên đơn anh Lê Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Văn Q và chị Lê Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2015 tại UBND xã TC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 12/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, cuộc sống gia đình không có

hạnh phúc. Chị T không thích nghi với điều kiện sống của gia đình anh. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Lê Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với chị T. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Lê Thị T:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị T nhưng chị T không nhận và ông Lê Văn T1 - bố đẻ của chị T nhận thay. Ông Thắng cam kết sau khi nhận các văn bản của Tòa án ông sẽ giao ngay lại cho chị T. Nhưng trong thời hạn quy định chị T không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

Tại Biên bản làm việc ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa thể hiện: Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa phối hợp với đại diện chính quyền địa phương đến gia đình chị Lê Thị T để làm việc. Tại buổi làm việc, Thẩm phán đã thông báo về việc anh Lê Văn Q khởi kiện xin ly hôn với chị Lê Thị T và yêu cầu chị T viết bản tự khai nhưng chị T không đồng ý ly hôn nên không viết bản tự khai, không làm việc với Tòa án.

Tại Biên bản xác minh ngày 22 tháng 10 năm 2021, ông Lê Văn T1 - bố đẻ của chị Lê Thị T trình bày: Anh Lê Văn Q và chị Lê Thị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2015 tại UBND xã TC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 12/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Chị T đã về nhà bố mẹ ở từ tháng 12/2015, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Gia đình đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa và đã giao ngay lại cho chị T biết. Sau khi nhận được văn bản của Tòa án, quan điểm của chị T không đồng ý ly hôn nên không đến Tòa án để làm việc. Về phía gia đình ông, xét thấy anh Q và chị T sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, nay anh Q xin ly hôn thì gia đình ông cũng đồng ý. Về con chung: Anh Q và chị T không có con chung. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

** Về tố tụng:*

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với chị T không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

Về hôn nhân: Anh Q và chị T kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, hai bên có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị T đã về nhà mẹ đẻ sống từ năm 2015 và hai bên đã sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Q được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh Q và chị T không có con chung. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Lê Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn PT, xã TC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên việc anh Lê Văn Q yêu cầu Tòa án nhân dân

huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa anh Lê Văn Q và chị Lê Thị T thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 17/11/2021 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt chị Lê Thị T, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt chị Lê Thị T, tuy nhiên chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị T là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Anh Lê Văn Q và chị Lê Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/4/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận bình thường đến tháng 12 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng vì vậy chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay anh Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn của anh Q thấy rằng:

- Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn Q và chị Lê Thị T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

- Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị T. Vì vậy, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được. Về phía chị T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng trong thời hạn quy định chị T không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án để làm việc và không có mặt tại phiên tòa. Điều đó chứng tỏ chị T không có ý định hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có con chung, và tài sản chung. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản và nợ chung cho hai bên đương sự.

[4] Về án phí: Anh Lê Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Lê Văn Q được ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về con chung và tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Anh Lê Văn Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0002453 ngày 21/7/2021 của Chi cục THADS Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (anh Q đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt anh Q, vắng mặt chị T. Anh Q có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã TC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh